

**CÔNG TY TNHH A EVENT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH A EVENT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: A EVENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110185145

**3. Ngày thành lập:** 17/11/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 4, Tháp C, Tòa D2 Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936070007

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán) | 4610        |
| 2.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ tổ chức hợp báo)                                                                                                      | 8230(Chính) |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các hàng hóa Công ty kinh doanh;<br>loại trừ hoạt động đấu giá      | 8299        |
| 4.  | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                           | 8551        |
| 5.  | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                             | 8552        |
| 6.  | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>(Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)                                                                                   | 9000        |
| 7.  | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề<br>(trừ nhà nước cấm)                                                                                     | 9321        |
| 8.  | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>(trừ nhà nước cấm)                                                                                           | 9329        |
| 9.  | Quảng cáo<br>(không bao gồm quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                         | 7310        |
| 10. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(không bao gồm dịch vụ điều tra);                                                                                           | 7320        |
| 11. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                          | 7410        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>(Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)                                                                                                                                                                                                                               | 7420 |
| 13. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7710 |
| 14. | In ấn<br>(trừ in, tráng bao bì kim loại; in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may đan)                                                                                                                                                                                                    | 1811 |
| 15. | Dịch vụ liên quan đến in<br>(Trừ rập khuôn tem)                                                                                                                                                                                                                                         | 1812 |
| 16. | Sao chép bản ghi các loại<br>(Trừ các sản phẩm văn hóa phẩm đòi truy, mê tín dị đoan hoặc có hại tới giáo dục, thẩm mỹ)                                                                                                                                                                 | 1820 |
| 17. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định                                                                                                                          | 4931 |
| 18. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô | 4932 |
| 19. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                 | 4933 |
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                                 | 5225 |
| 21. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>(trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không và hoa tiêu)<br>Chi tiết:<br>- Gửi hàng;<br>-Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay                                                                                         | 5229 |
| 22. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5629 |
| 23. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5630 |
| 24. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(Trừ hoạt động liên kết sản xuất chương trình đối với các chương trình phát thanh, truyền hình thời sự - chính trị)                                                                                         | 5911 |
| 25. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5912 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                     |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 26. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(Trừ hoạt động liên kết sản xuất chương trình đối với các chương trình phát thanh, truyền hình thời sự - chính trị, không bao gồm hoạt động báo chí)                                                                               | 5913                                                                |
| 27. | Hoạt động chiếu phim                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5914                                                                |
| 28. | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc<br>(loại trừ hoạt động xuất bản)<br>Chi tiết: Hoạt động ghi âm                                                                                                                                                                                                             | 5920                                                                |
| 29. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7721                                                                |
| 30. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7911                                                                |
| 31. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa và kinh doanh lữ hành quốc tế                                                                                                                                                                                                                     | 7912                                                                |
| 32. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động bán vé cho các sự kiện sân khấu, thể thao và các sự kiện vui chơi, giải trí khác;<br>- Cung cấp dịch vụ hỗ trợ khách du lịch: cung cấp thông tin du lịch cho khách, hoạt động hướng dẫn du lịch | 7990                                                                |
| 33. | (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).                                                                                                                                                                      | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 3.900.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                           | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐỖ PHƯƠNG THÚY | Việt Nam  | Số 161 Hàng Bông, Phường Hàng Bông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                   | 195.000.000           | 5,000     | 001182009195                                                                                            |         |
| 2   | LÊ CÔNG NĂNG   | Việt Nam  | C0802 HH2C, Khu Đô Thị Mới Dương Nội, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 1.365.000.000         | 35,000    | 036086013095                                                                                            |         |

|   |                             |             |                                                                                                                  |               |        |              |  |
|---|-----------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------|--------------|--|
| 3 | NGUYỄN<br>THỊ HƯƠNG<br>THẢO | Việt<br>Nam | C0802 HH2C, Khu<br>Đô Thị Mới Dương<br>Nội, Phường Yên<br>Nghĩa, Quận Hà<br>Đông, Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam  | 78.000.000    | 2,000  | 017189002232 |  |
| 4 | ĐOÀN<br>THANH<br>TÙNG       | Việt<br>Nam | Số 65 ngõ 451 Hoàng<br>Tăng Bí, Tổ 4,<br>Phường Đức Thắng,<br>Quận Bắc Từ Liêm,<br>Thành phố Hà Nội,<br>Việt Nam | 819.000.000   | 21,000 | 001086002078 |  |
| 5 | DƯƠNG<br>PHÚ ANH            | Việt<br>Nam | Nhà máy Z125, Xã<br>Phú Minh, Huyện Sóc<br>Sơn, Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam                                    | 1.443.000.000 | 37,000 | 001083034474 |  |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐOÀN THANH TÙNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *15/01/1986*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001086002078*

Ngày cấp: *25/04/2021*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 65 ngõ 451 Hoàng Tăng Bí, Tổ 4, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 65 ngõ 451 Hoàng Tăng Bí, Tổ 4, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội